

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2019

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1998. Địa chỉ cư trú: ấp Bình H, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: ấp Bình H, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn D, sinh năm 1972; Bà Giáp Thị G, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ cư trú: ấp Bình H, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2018 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Phạm Thị M, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N cưới nhau vào năm 2015, không nhớ ngày tháng, đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Hôn nhân lúc đầu do mai mối sau đó hai bên có tìm hiểu nhau. Sau khi cưới chị và anh N sống cùng gia đình anh N được 01 tháng thì vợ chồng đi làm tại thành phố Hồ

Chí Minh, làm được 01 tháng thì vợ chồng về quê sinh sống. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến năm 2016 thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh N thường uống rượu, đòi bán vàng cưới để nuôi gà đá, chị không đồng ý, hai bên cự cãi, do bất đồng quan điểm sống và chị không còn tình cảm với anh N nên chị và anh N không còn sống chung cho đến nay. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Trong thời gian chị và anh N không còn sống chung thì anh N có tìm chị nhưng vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Vì mỗi lần anh N nhắn tin đều chửi và kêu chị đưa tiền cho anh N. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị và anh N chung sống với nhau không có con chung, hiện tại chị cũng không có mang thai nên về con chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh N chung sống không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, người làm chứng:

Ông Nguyễn D, trình bày: Ông là cha ruột của anh N. Ông không có mâu thuẫn gì với chị M, sui gia hai bên vẫn thuận thảo, không có xích mích gì. Hôn nhân giữa anh N và chị M là do mai mối. Sau đó, anh N, chị M thương nhau, gia đình hai bên tổ chức đám cưới. Sau khi cưới vợ chồng anh N lên thành phố Hồ Chí Minh làm, vợ chồng anh N lúc đầu cũng lo làm ăn nhưng sau đó không biết lý do vì chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột, anh N có đi tìm, năn nỉ nhưng chị M không về, ông nhớ vợ chồng anh N không sống chung hơn 03 năm nay. Theo ông, vợ chồng anh N không hàn gắn được. Tết nguyên đán năm 2019 anh N có về nhà, có biết chị M làm đơn ly hôn tại Tòa án, anh N nói “chị M muốn làm gì làm, vợ chồng hết duyên nợ, mạnh ai nấy có vợ chồng đi”. Bên sui gia cũng nói với anh N, vợ chồng không có duyên thì thôi anh N có vợ khác đi. Anh N thường gọi điện về thăm nhà, ông có cho hay Tòa án mời nhưng do đi làm xa nên không về được. Vợ chồng anh N, chị M chung sống không có con chung. Tài sản chung và nợ chung đều không có.

Bà Giáp Thị G, trình bày: Bà là mẹ ruột của anh N, bà đã nghe lời trình bày của chồng bà, thống nhất theo lời trình bày của chồng bà. Hiện anh N còn chung hộ khẩu với bà. Vợ chồng anh N, chị M chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên bây giờ vợ chồng ly hôn bà không có ý kiến gì, mạnh ai có vợ có chồng, cha mẹ hai bên không làm khó dễ gì. Giữa bà và chị M vẫn thuận thảo, sui gia vẫn hòa thuận không có xích mích gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Thị M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N, những người làm chứng ông Nguyễn D, bà Giáp Thị G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N, ông D, bà G vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên ông D, bà G đã có lời khai với Tòa án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, ông D, bà G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn N được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/2016 ngày 04/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Xét, yêu cầu của chị M là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị M cho rằng chị và anh N bất đồng quan điểm sống, chị không còn tình cảm với anh N nên vợ chồng sống không hạnh phúc và không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay và cũng không hàn gắn được tình cảm. Hội đồng xét xử đã động viên chị M hàn gắn tình cảm với anh N nhưng chị M vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N vẫn không có văn bản ghi ý kiến, không đến Tòa án hòa giải với chị M để vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau. Đồng thời, những người làm chứng ông Nguyễn D, bà Giáp Thị G cũng là cha mẹ ruột của anh N trình bày khi chị M về

nhà cha mẹ ruột thì anh N có năn nỉ nhưng chị M không về chung sống cùng anh N, anh N và chị M không sống chung hơn 03 năm nay và vợ chồng không thể hàn gắn được và anh N biết việc chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn. Cho thấy, hôn nhân giữa chị M và anh N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị M trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Phạm Thị M chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004127 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện HN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M. Cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị M chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004127 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung